

KẾ HOẠCH THU- CHI TÀI CHÍNH
Năm học 2024-2025

A. THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; các Quyết định của UBND thành phố: số 1881/QĐ-UBND ngày 05/07/2021 về giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế giai đoạn 2021-2025; số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 ban hành Quy định quản lý về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 9/9/2022 của UBND thành phố về thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Thực hiện Hướng dẫn Liên sở số 03/HDLĐ-GDDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Thực hiện theo Kế hoạch Liên ngành số 313 KH/LN ngày 03/9/2020 của Thành đoàn và Sở Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng quỹ “Vòng tay bè bạn” trong trường học, giai đoạn 2020 - 2023; Kế hoạch số 34-KH/LN triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027 ngày 12/9/2023 của Huyện đoàn và PGDĐT TL.

Theo thông tư số 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD &ĐT ban hành Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh.

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

Trường THCS Thị Trấn Tiên Lãng xây dựng kế hoạch thu - chi tài chính trong năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

B. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tạo điều kiện cho học sinh và phụ huynh học sinh đóng các khoản thu thuận lợi, thực hiện theo đúng công văn hướng dẫn.
- Thực hiện công khai đến cha mẹ học sinh, người học các khoản thu - chi.
- 100% giáo viên chủ nhiệm các lớp kết hợp với phụ huynh học sinh thực hiện việc thu chi đúng quy định (Có phân theo kỳ, tháng trong năm học).
- Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm các lớp, cán bộ, nhân viên trong nhà trường triển khai công tác thu - chi xác định rõ nhiệm vụ và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý các cấp về việc triển khai việc thu – chi trong nhà trường.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TRƯỜNG:

1. Cơ sở vật chất

- Phòng học: 29 phòng học được bố trí ở 03 khu gồm: Khu A 12 phòng học ; Khu B 10 phòng học; Khu C 07 phòng học.
- Phòng chức năng: Phòng Hiệu trưởng: 01 phòng; phòng Hiệu phó: 02 phòng; phòng thư viện: 01 phòng và phòng thiết bị TN: 01 phòng; phòng kế toán: 01 phòng; Phòng công đoàn: 01 phòng; Phòng truyền thống : 01 phòng; Phòng y tế: 01 phòng

2. Tổ chức bộ máy hoạt động nhà trường

a) Số Cán bộ GV, nhân viên: 62 đc

Trong đó:

- + Biên chế: 55 đc; hợp đồng huyện (chuyên môn): 04đc
- + Hợp đồng huyện (phục vụ- Bảo vệ): 01đc
- + hợp đồng thuê khoán : 02đc (hàng tháng)
- Số GV trực tiếp dạy: 51 đ/c; TPT đội: 01, quản lý: 03 đc; Nhân viên: 07đc (trong đó 2đc HĐ thuê khoán).
- Đơn vị gồm có 2 tổ chuyên môn: Tổ Khoa học tự nhiên và tổ Khoa học xã hội; 01 tổ văn phòng.

b) Học sinh

- Tổng số lớp: 29 lớp
- Tổng số HS: 1 247 em

Trong đó:

- + Khối 6: 07 lớp = 311 em; Nữ 152 em
- + Khối 7: 09 lớp = 396 em; Nữ 183 em
- + Khối 8: 06 lớp = 257 em; Nữ 131 em
- + Khối 9: 07 lớp = 283 em; Nữ 131 em

II. KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC QUỸ:

1. Các khoản thu theo quy định:

a. Học phí:

Căn cứ theo Nghị quyết số 54/2019/NQ- HĐND ngày 9/12/2019 về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ theo Hướng dẫn liên sở số 03/HDLS-GDDT-STC ngày 22/8/2023 của UBND thành phố Hải Phòng, liên sở: GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2023-2024;

Căn cứ theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025;

Mức thu 62 000 đ/tháng x 9 tháng = 558.000 đ (HS được hỗ trợ theo NQ54/2019/NQ-HĐND thành phố)

- Tổng số HS: 1 247 em

Trong đó:

- + Khối 6: 07 lớp = 311 em
- + Khối 7: 09 lớp = 396 em

+ Khối 8: 06 lớp = 257 em

+ Khối 9: 07 lớp = 283 em

Dự được cấp hỗ trợ học phí: 695 826 000 đồng.

• **Trong đó:**

+ Chi cải cách lương, lương và phụ cấp lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, TNLĐ.

+ Chi tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học, bàn ghế học sinh, giáo viên; các thiết bị phục vụ cho dạy và học, sửa chữa nhỏ và xây dựng nhỏ. Chi bổ sung cho các hoạt động của sự nghiệp giáo dục đào tạo, hỗ trợ giảng dạy, phục vụ giảng dạy (bao gồm các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn và các khoản chi thường xuyên thuộc nội dung chi hoạt động sự nghiệp giáo dục).

b. Bảo hiểm y tế học sinh - Dự kiến thu tháng 11/2024.

Theo Công văn số 2269/UBND-BHXH ngày 5/8/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc triển khai Bảo hiểm y tế (BHYT) học sinh (HS) năm học 2024-2025;

Theo Công văn số 290/CV-BHXH của BHXH huyện Tiên Lãng ngày 09/08/2024 hướng dẫn công tác thu BHYT học sinh năm học 2024-2025

Mức thu 884 520 đ/ hs/năm.

+ Tổng số học sinh: 1 247 hs

+ Các trường hợp có thể: 90 hs (HS thuộc hộ nghèo, cận nghèo, con công an, bộ đội)

+ Dự thu: 1 157 hs * 884 520 đ = 1 023 389 640 đồng

+ Dự chi: Dự kiến đến 15/12/2024 thu xong để nộp 100% số tiền dự thu được về phòng BHXH huyện Tiên Lãng để gia hạn thẻ năm 2025 cho học sinh (Theo năm tài chính, thẻ có giá trị 01/01/2025 đến 31/12/2025)

+ Mục đích tham gia:

- Học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trường

- Nhằm giúp học sinh khám chữa bệnh, nằm điều trị tại các cơ sở y tế có bảo hiểm.

- Nộp 100% về BHXH huyện Tiên Lãng.

- Sau đó BHXH Huyện Tiên Lãng trích lại % để chăm sóc sức khỏe ban đầu:

+ Bổ sung, sửa chữa trang thiết bị y tế.

+ Khám sức khỏe cho HS.

+ Mua thuốc, bông băng, cùn gạc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh tại trường.

C. Quỹ vòng tay bè bạn (Hoạt động đội)- Dự kiến thu vào T10/2024

Kế hoạch số 34-KH/LN triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027 ngày 12/9/2023 của Huyện đoàn và PGD ĐT TL.

- Hình thức thu:

+ Phương án 1: Học sinh thu gom giấy vụn, các loại phế liệu nộp cho BCH Chi Đội (cán bộ lớp), sau đó cán bộ lớp bán đi lấy kinh phí nộp về bộ phận tài chính hoặc học sinh tự bán đi lấy kinh phí xây dựng quỹ Đội

+ Phương án 2: Lốp mua một con lợn đất, mỗi tháng học sinh tiết kiệm cho vào lợn đất để tạo quỹ.

- Mỗi học sinh làm Kế hoạch nhỏ ít nhất 9kg/năm học (tương đương 4.000đ/kg/tháng). Dự kiến 40.000 đồng/HS/năm.

+ Dự thu: 1 247hs (Miễn giảm 62 hs): Dự thu là: 1 185hs: 47 400 000đ

+ Dự chi gồm:

- Cấp huyện giữ lại 12,5% để xây dựng quỹ cấp huyện: 5 925 000đ

- Trích nộp thành phố 12,5% để xây dựng quỹ vòng tay bè bạn cấp Thành phố: 5 925 000 đồng.

- Cấp liên đội giữ lại 75%: 35 550 000đ: Hoạt động phong trào, đại hội chi đội, liên đội, các chuyên đề đội cấp huyện (cấp Thành phố), liên hoan văn nghệ, chi công tác đào tạo bồi dưỡng, tập huấn tổng phụ trách, cán bộ đội, trang bị tài liệu phục vụ hoạt động kỹ năng, nghiệp vụ của đội. Mua sắm trang bị CSVC đội, chi khen các tập thể, các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đội và phong trào thiếu nhi. Chi khác của hoạt động đội...

2. Các khoản thu theo thỏa thuận, thu dịch vụ (tiền gửi xe)

Theo Hướng dẫn liên sở số 03/HDLĐ-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của UBND Thành phố Hải Phòng Liên sở: GD&ĐT- Tài chính.

Theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Căn cứ kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 9/9/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định số 2802/QĐ/UBND ngày 07/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

2.1. Dạy thêm, học thêm- Thu theo tháng

Đối tượng thu: Học sinh có đơn đăng ký tự nguyện học thêm, xác nhận của phụ huynh.

Học thêm 8 tháng: 9 000đ/ tiết: Thu theo tháng

Khối lớp 6,7,8: 4 tiết/ buổi; 3 buổi/ tuần; 12 buổi/ tháng: 432 000đ/ HS/ tháng

Khối lớp 9: 4 tiết/ buổi; 4 buổi/ tuần; 16 buổi/ tháng 576 000đ/ HS/ tháng

Tổng 1 247 hs (Miễn: 62 hs) Dự thu 1 185 hs

a. Dự thu: (Thu 8 tháng) Tổng: 4 401 792 000 đồng

Trong đó Khối lớp 6,7,8: 964 HS (miễn 45HS), Dự thu 919HS: 3 176 064 000 đồng

Khối lớp 9: 283 HS (miễn 17HS), Dự thu 266HS: 1 225 728 000 đồng

UYÊN
TRUC
NGH
HI TR
N LÃ
*

b. Dự chi: 4 401 792 000 đồng

* 70% chi giáo viên trực tiếp giảng dạy và GVCN thu (GVCN thu 3%):
3 081 254 400 đồng.

* 16% chi quản lý: 704 286 720 đồng (Hiệu trưởng: 5%; phó Hiệu trưởng: 4%; Kế toán: 2%; Thủ quỹ: 1%)

* 2% chi nộp thuế TNDN: 88 035 840 đồng.

* 12% còn lại chi mua sắm CSVC, sửa chữa vừa và nhỏ, mua sắm bổ sung, tu sửa thường xuyên, chi trích lập quỹ phúc lợi: 528 215 040 đồng.

+ Chi mua sắm CSVC, sửa chữa vừa và nhỏ, mua sắm bổ sung, tu sửa thường xuyên.... bao gồm:

- Chi hỗ trợ sửa chữa vừa và nhỏ, sửa chữa thường xuyên:
- Sửa chữa máy vi tính phòng thực hành tin học
- Chi hỗ trợ sửa chữa hệ thống điện các phòng học, phòng chức năng
- Chi hỗ trợ sửa chữa bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên
- Chi hỗ trợ sửa chữa nhỏ nhà vệ sinh học sinh, giáo viên
- Chi hỗ trợ sửa chữa cánh cửa sổ các phòng học, phòng chức năng
- Chi sửa chữa nền nhà các phòng học, phòng chức năng, nhà để xe giáo viên.

- Sửa chữa máy vi tính văn phòng, máy chiếu, máy soi vật thể....

+ Chi mua sắm mới:

- Chi mua 04 phòng bàn ghế học sinh phục vụ việc dạy và học
- Chi bổ sung từ 05 bộ đến 10 bộ máy vi tính phòng thực hành tin học; Mua 05 cái đến 15 cái ti vi trang bị cho các phòng học
- Chi mua quạt trần, quạt treo tường và một số thiết bị khác trong lớp học
- Chi mua sắm và tăng cường một số cơ sở vật chất khác theo thực tế phát sinh.

+ Chi trích lập quỹ phúc lợi

- Chi thăm hỏi bao gồm:

Chi lễ hội tại địa phương trên địa bàn Thị trấn.

Chi tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân khi nghỉ hưu, chuyển công tác

Chi hiếu hỷ

Chi công tác từ thiện hàng năm

- Chi khen thưởng gồm

Chi khen thưởng cho CBGV, NV có thành tích cao trong năm học...

- Chi các hoạt động tập thể khác....

Chi hỗ trợ cho tập thể cán bộ GV, NV đi tham quan, du lịch, học tập thực tế, cho đồng phục cho CBGV, NV (nếu có)

Chi hỗ trợ cho CBGV, NV dự các ngày lễ như: Kỷ niệm ngày 8/3, khai giảng năm học mới, 20/10, 20/11, nhân dịp tết âm lịch cổ truyền, dự hội nghị công chức, sơ kết, tổng kết...(nếu có)

Chi chăm sóc cảnh quan nhà trường.

Chi khác...(nếu có phát sinh)

2.2. Tiền gửi xe – Thu theo tháng

Đối tượng: HS đi xe và gửi xe trong trường.

Thu 30 000đ/ tháng (Đối với xe đạp) Dự thu: 650 hs, miễn 62hs: 588 hs (trong 9 tháng): 158 760 000đ

• Dự chi: 158 760 000đ

+ Chi trả thù lao cho người trông công coi xe, hỗ trợ lương bảo vệ(từ 45% đến 65%)

+ Nộp thuế gồm:

- Thuế TNDN (5%)

- Thuế GTGT (5%)

+ Chi GVCN thu (5%); Quản lý 15% (Hiệu trưởng 01đc: 5%, Phó hiệu trưởng 02đc: 3%/đc* 2đc , Kế toán 01đc 3%, thủ quỹ 01đc 1%)

+ Số còn lại chi các hoạt động phúc lợi tập thể khác. Chi khác (sửa chữa nâng cấp nhà để xe học sinh, mua sắm các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác coi xe.....) từ 10% đến 30%.

2.3. Tiền nước uống học sinh

* Dự thu: 1 247 hs, miễn 62 hs (Thu theo kỳ gồm Học kỳ I:4 tháng; Học kỳ II: 5 tháng).

Tổng dự thu: 1 185 hs *10 000đ/ tháng/ hs* 9Tháng: 106 650 000đ

Dự chi: Trả 100% số tiền dự thu được cho nhà cung cấp nước uống cho hs: 106 650 000 đồng.

3. Các khoản thu hộ, chi hộ

3.1 Tiền đồng phục

* Đồng phục mùa hè (01 bộ): 295 000 đồng/ bộ- Dự kiến thu tháng 10/2024

Số tiền dự thu: 91 745 000 đồng

* Đồng phục mùa đông (01 áo) - Dự kiến thu tháng 02/2025

Khối 6: 220 000 đồng/ áo

Khối 7: 230 000 đồng/ áo

Khối 8: 235 000 đồng/ áo

Khối 9: 240 000 đồng/ áo

Số tiền dự thu: 98 420 000 đồng

(Dựa trên nhu cầu đăng ký của phụ huynh Học sinh. Được ban đại diện cha mẹ phụ huynh HS ủy quyền cho nhà trường mua hộ)

Tổng dự kiến thu (Đồng phục mùa hè, mùa đông): 190 165 000 đồng

Dự chi: Trả 100% số tiền dự thu được cho nhà cung cấp đồng phục cho hs: 190 165 000 đồng

4. Thu tự nguyện

4.1. Kinh phí hoạt động ban đại diện CMHS trường

Theo thông tư số 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD &ĐT ban hành Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh.

Kinh phí hoạt động của Ban ĐDCMHS trường được vận động trên tinh thần tự nguyện phụ huynh học sinh và các mạnh thường quân, các tổ chức, tập thể... ủng hộ kinh phí hoạt động. Chi 100% cho các hoạt động của hội và khen thưởng học sinh.

Thực hiện việc thu, chi theo kế hoạch tài chính của Ban đại diện CMHS trường do Ban đại diện CMHS quyết định. Nhà trường có trách nhiệm phối hợp theo dõi, giám sát để đảm bảo việc thu, chi của Ban đại diện CMHS được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

* Dự kiến nội dung thu

+ Tổng số HS: 1 247 HS Miễn, giảm: 62.

+ Số tiền dự kiến thu : 1 185 HS :

Phần đầu đạt từ 150 000 000đ đến 200 000 000

* Dự kiến nội dung chi

TT	Khoản mục dự kiến chi	Số tiền	Ghi chú
1	Tặng quà học sinh nghèo, hoàn cảnh khó khăn nhân dịp tết nguyên đán hoặc đầu năm học (20%)	40.000.000	
2	Thưởng các tập thể xuất sắc trong các tháng, các đợt thi đua chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, trung thu, trải nghiệm...(20%)	40.000.000	
3	Hỗ trợ phương tiện đi lại, nước uống cho HS tham gia các kỳ thi HSG các cấp (15%)	30.000.000	
4	Hỗ trợ cho HS đột xuất bị ốm đau hiểm nghèo, tai nạn...(5%)	10.000.000	

5	Thưởng cho học sinh giỏi các cấp. Phần thưởng cho học sinh giỏi, tiên tiến tổng kết năm học(20%)	40.000.000	
6	Chi hoạt động ban đại diện: Phối hợp nhà trường trong các hoạt động lớn như Khai giảng, HN viên chức, Sơ kết, tổng kết... Chi các kỳ họp, Hội nghị sơ kết, tổng kết của Ban chấp hành hội. Khen thưởng trong công tác của Ban đại diện (15%)	30.000.000	
7	Chi văn phòng phẩm: Sổ sách, bút, tài liệu, chi khác...(5%)	10.000.000	
Tổng cộng		200.000.000	

Bảng chữ: (Hai trăm triệu đồng)/.

*** Các mức chi khen thưởng học sinh các cấp cụ thể như sau:**

+ Học sinh giỏi cấp quốc gia:

- Đối với các môn văn hóa: Giải nhất: 1.000.000 đồng/ HS

Giải nhì: 700.000 đồng/ HS

Giải ba: 500 000 đồng/ HS

Giải khuyến khích: 400 000 đồng/ HS

- Đối với các môn phong trào, hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ và các hoạt động khác: Vàng: 500.000 đồng/ HS

Bạc: 350.000 đồng/ HS

Đồng: 250 000 đồng/ HS

Khuyến khích: 200 000 đồng/ HS

+ Học sinh giỏi cấp thành phố:

- Đối với các môn văn hóa: Giải nhất: 500.000 đồng/ HS

Giải nhì: 350.000 đồng/ HS

Giải ba: 250 000 đồng/ HS

Giải khuyến khích: 200 000 đồng/ HS

- Đối với các môn phong trào, hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ và các hoạt động khác: Vàng: 250.000 đồng/ HS
Bạc: 175.000 đồng/ HS
Đồng: 125 000 đồng/ HS
Khuyến khích: 100 000 đồng/ HS

+ Học sinh giỏi cấp huyện:

- Thưởng vờ (04 quyển)+ giấy khen (01 bản): Giá cả theo thực tế phát sinh

+ Học sinh giỏi cấp trường:

- Thưởng vờ (03 quyển)+ giấy khen (01 bản): Giá cả theo thực tế phát sinh

+ Học sinh vượt trội xuất sắc :

- Thưởng vờ (02 quyển)+ giấy khen (01 bản): Giá cả theo thực tế phát sinh

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Căn cứ kế hoạch tài chính năm học, các bộ phận phụ trách cơ sở vật chất, chuyên môn có trách nhiệm lập kế hoạch cụ thể việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất; kế hoạch mua sắm bổ sung tài liệu chuyên môn, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi,... để phân phối nguồn chi đảm bảo việc thu, chi đạt hiệu quả thiết thực, tiết kiệm, tránh lãng phí.

2. Việc thu, chi được thanh quyết toán và công khai qua các cuộc họp cơ quan.

3. Phân công nhiệm vụ các cá nhân, bộ phận

a) Giáo viên chủ nhiệm các lớp: Có trách nhiệm triển khai thu các khoản đóng góp,... của học sinh theo đúng mức thu và thời gian quy định trong năm học, lập danh sách thu theo đúng mẫu. Phải thu đúng, đủ, không được thu dồn, thu gộp tránh áp lực cho phụ huynh học sinh đầu năm học.

b) Bộ phận kế toán tài vụ: Có trách nhiệm lập các biểu mẫu thu, chi; tổng hợp số liệu, lập hồ sơ thanh quyết toán hàng tháng, quý, tham mưu cho Hiệu trưởng về các hạng mục chi, định mức chi để đảm bảo theo đúng quy định của công tác tài chính hiện hành.

c) Hiệu trưởng: Triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thu, chi của giáo viên chủ nhiệm các lớp, bộ phận kế toán tài vụ duyệt chi; duyệt các báo cáo tổng hợp số liệu, báo cáo quyết toán; xử lý các cá nhân vi phạm trong công tác tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, các cá nhân, bộ phận kịp thời báo cáo hiệu trưởng để có hướng giải quyết./.

BAN THANH TRA ND

KẾ TOÁN TRƯỞNG BAN Đ DCMHS

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Yên



Lương Thị Hạnh



Trần Văn Quảng



Vũ Thị Mai Hương

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Ban thanh tra ND ;
- Ban ĐDCMPHHS
- KT (để thực hiện);
- Lưu VT.

